

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-7-2026

v/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Minh Lợi

Ông Võ Thanh Thông

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐHPT – HNGĐ, ngày 30/6/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê D** - sinh năm 2006.

Địa chỉ: thôn Thanh L, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn T** - sinh năm 1998.

Địa chỉ: thôn Hiệp Đức 02, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bà Lê D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cũ vào ngày 12/11/2024.

Sau khi cưới ông Nguyễn T đi làm ăn xa, còn bà vẫn sống với ba mẹ. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn T thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn T không lo làm ăn, ham chơi và không có trách nhiệm với vợ con. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn vì con nhưng ông Nguyễn T vẫn tính nết bất hòa, không chịu thay đổi. Từ tháng 5 năm 2025 đến nay bà và ông Nguyễn T sống ly thân, không ai quan

Nguyễn T đến ai.

Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn T có 01 con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 07/10/2024. Từ khi ly thân đến nay bà là người trực tiếp nuôi con. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Nguyễn T cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn T thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê D. Giao con chung cho bà Lê D nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Bà Lê D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê D khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với ông Nguyễn T, do đó đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn T có nơi cư trú tại thôn Hiệp Đức 02, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Tại phiên tòa ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Lê D và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận cũ vào ngày 12/11/2024 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Lê D trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn T không lo làm ăn, ham chơi và không có trách nhiệm với vợ con. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn vì con nhưng ông Nguyễn T vẫn tính nào tật nấy, không chịu thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Nguyễn T không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Nguyễn T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Lê D.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê D và ông Nguyễn T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê D.

[3] Về con chung: Bà Lê D và ông Nguyễn T có 01 con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 07/10/2024. Bà Lê D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ sau khi nhận được thông báo về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà Lê D thì ông Nguyễn T không có ý kiến gì về con chung, sau khi ly thân đến nay bà Lê D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú, do đó cần giao cháu Tú cho bà Lê D tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Lê D là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê D đối với ông Nguyễn T.

Bà Lê D được ly hôn với bà Nguyễn T.

3/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn T – sinh ngày 07/10/2024 cho bà Lê D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Lê D có quyền khởi kiện ông Nguyễn T về cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Nguyễn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/Về án phí: Bà Lê D phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Lê D đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006170 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Lê D đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Thị Mỹ Kỳ

